**NỘI DUNG HỌC TẬP TRỰC TUYẾN ĐỊA 12**

**TUẦN 5: TỪ 7/3 đến 12/3/2022**

**(BAN KHTN)**

**Bài 30: VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI VÀ**

**THÔNG TIN LIÊN LẠC**

**I. Giao thông vận tải**

**1. Vai trò**

- Giao thông vận tải giúp cho các quá trình và việc đi lại của nhân dân được diễn ra liên tục, thuận tiện.

- Các mối liên hệ kinh tế - xã hội giữa các địa phương được thực hiện nhờ giao thông vận tải, do đó tính thống nhất của nền kinh tế - xã hội được củng cố.

- Giao thông vận tải làm tăng cường sức mạnh quốc phòng của đất nước và tạo nên mối giao lưu kinh tế - xã hội với các nước khác trên thế giới.

**2. Địa lí các ngành GTVT**

Nước ta có mạng lưới GTVT phát triển khá toàn diện, gồm nhiều loại hình vận tải khác nhau. Mỗi loại hình vận tải có những đặc điểm riêng về cơ sở vật chất kĩ thuật, sự phân bố và có vai trò riêng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.

**a. Đường bộ**

- Mạng lưới đường bộ nước ta được mở rộng và hiện đại hoá và đã phủ kín các vùng, phương tiện vận tải tăng nhanh và chất lượng xe được nâng cao.

- Tuyến đường bắc nam: Gồm đường Hồ Chí Minh và quốc lộ 1A, là tuyến đường xương sống của cả nước, nối các vùng kinh tế và các trung tâm kinh tế lớn.

- Các tuyến đường xuyên Á nối hệ thống đường bộ của nước ta với hệ thống đường bộ trong khu vực.

**b. Đường sắt**

- Tổng chiều dài 3143km.

- Đường sắt Thống Nhất dài 1726km, gần như song song với quốc lộ 1A tạo nên một trục giao thông quan trọng theo hướng bắc – nam.

- Các tuyến đường khác: HN - HP, HN - Lào Cai, HN - Thái Nguyên, HN - Đồng Đăng, HN - Kép - Lưu Xá - Uông Bí - Bãi Cháy.

- Các tuyến đường thuộc mạng lưới đường sắt xuyên Á trên lãnh thổ Việt Nam đang nâng cấp đạt tiêu chuẩn ASEAN.

**c. Đường sông**

- Chiều dài 11 000km, mới khai thác ở mức độ thấp.

- Tập trung trong một số hệ thống sông chính: Hệ thống sông Hồng – sông Thái Bình, một số sông lớn ở miền Trung. và hệ thống sông Mê Công – sông Đồng Nai.

**d. Đường biển**

- Các tuyến đường biển ven bờ chủ yếu là hướng bắc nam. Quan trọng nhất là tuyến Hải Phòng – thành phố Hồ Chí Minh, dài 1500km.

- Các cảng biển và cụm cảng quan trọng là: Hải Phòng, Cái Lân, Đà Nẵng – Liên Chiểu – Chân Mây, Dung Quất, Nha Trang, Sài Gòn – Vũng Tàu – Thị Vải.

**e. Đường hàng không**

- Là ngành non trẻ nhưng có bước phát triển rất nhanh.

- Cả nước có 22 sân bay (5 sân bay quốc tế: Tân Sơn Nhất, Nội Bài, Phú Bài, Đà Nẵng, Cát Bi). Hệ thống sân bay được khôi phục, nâng cấp và hoàn thiện từng bước.

- Các tuyến đường bay trong nước được khai thác trên cơ sở 3 đầu mối chủ yếu là Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

- Nước ta đã mở đường bay đến nhiều nước trong khu vực và trên thế giới.

**g. Đường ống**

- Ngày càng phát triển, gắn với sự phát triển của ngành dầu khí.

- Ngoài tuyến đường ống vận chuyển sản phẩm xăng dầu B12 (Bãi Cháy – Hạ Long) tới các tỉnh đồng bằng sông Hồng, một số đường ống dẫn khí từ nơi khai thác dầu khí ngoài thềm lục địa phía nam vào đất liền đã được xây dựng và đi vào hoạt động.

**Bài 31: VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI, DU LỊCH**

**I. Thương mại : HS lấy dẫn chứng từ Atlat**

**1. Vai trò**

- Thương mại là khâu nối liền giữa sản xuất với tiêu dùng thông qua việc luân chuyển hàng hoá, dịch vụ giữa người bán và người mua.

- Điều tiết sản xuất.

- Giúp cho sự trao đổi hàng hoá được mở rộng.

- Hướng dẫn người tiêu dùng.

**2. Nội thương**

- Đã hình thành thị trường thống nhất, hàng hóa phong phú, đa dạng đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân.

- Thu hút sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế và có sự thay đổi theo xu hướng giảm dần tỉ trọng khu vực Nhà nước, tăng dần khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và khu vực ngoài Nhà nước.

- Sự chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế trong nội thương phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế thị trường của nước ta.

**3. Ngoại thương**

- Thị trường buôn bán ngày càng được mở rộng theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa.

- Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của tổ chức Thương mại thế giới và hiện có quan hệ buôn bán với phân lớn các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới.

- Hoạt động xuất nhập khẩu đã có những chuyển biến rõ rệt trong những năm gân đây, đã và đang triển khai theo hướng khai thác các lợi thế so sánh của nước ta để mở rộng khối lượng và mặt hàng xuất khẩu, đồng thời tăng kim ngạch xuất khẩu, giảm bớt tình trạng nhập siêu.

**\*Xuất khẩu**

- Các mặt hàng xuất khẩu bao gồm công nghiệp nặng và khoáng sản, hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp, hàng nông, lâm, thủy sản.

- Các thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam là Hoa Kì, Nhật Bản, Trung Quốc và Ôxtrâylia.

- Tuy nhiên tỉ trọng hàng chế biến hoặc tinh chế còn thấp và tăng chậm, trong số các mặt hàng chế biến thì tỉ trọng hàng gia công còn lớn. Vì thế, kim ngạch thực thu thấp do phải dựa vào nguyên liệu nhập (90-95%) đối với hàng dệt, và 60% đối với hàng giày,dép…

\* **Nhập khẩu**

- Kim ngạch hàng nhập khẩu của nước ta cũng tăng nhanh. Mức tăng nhập khẩu phản ánh sự phục hồi và phát triển của sản xuất và tiêu dùng cũng như phục vụ nhu cầu xuất khẩu.

- Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là nguyên liệu, tư liệu sản xuất và một phần nhỏ là hàng tiêu dùng.

- Thị trường nhập khẩu chủ yếu là khu vực Châu Á- Thái Bình Dương và Châu Âu.

**II. Du lịch**

**1. Tài nguyên du lịch**

**a. Tài nguyên du lịch tự nhiên**

\* Địa hình

- Nước ta có khoảng 5-6 vạn km2 địa hình cacxtơ có sức hấp dẫn khách du lịch. Có 200 hang động, tập trung chủ yếu ở Quảng Bình, Cao Bằng, Lạng Sơn, Sơn La...

- Đường bờ biển dài 3260 km với 125 bãi biển đẹp và hệ thống đảo ven bờ, trong đó có một số đảo có giá trị về du lịch như Phú Quốc, Cát Bà...

- Có 2 di sản thiên nhiên thế giới là Phong Nha Kẽ Bàng và vịnh Hạ Long

\* Tài nguyên nước

- Hệ thồng sông ngòi nước ta dày đặc nhưng có giá trị hơn cả là hệ thống sông ngòi, kênh rạch ở ĐBSCL và một vài sông khác.

- Các hồ tự nhiên và hồ nhân tạo đã trở thành điểm tham quan du lịch nổi tiếng.

- Nước ta có nhiều suối nước khoáng thiên nhiên có sức hút cao đối với khách du lịch.

\* Tài nguyên khí hậu

Khí hậu của nước ta tương đối thuận lợi cho việc phát triển du lịch. Sự phân hoá theo vĩ độ, theo mùa và nhất là theo độ cao tạo nên sự đa dạng của khí hậu. Nhưng có nhiều thiên tai và sự phân mùa của khí hậu.

\* Tài nguyên sinh vật

Có nhiều giá trị trong việc phát triển du lịch vì hiện nay nước ta có hơn 30 vườn quốc gia, nhiều động vật hoang dã và thủy hải sản.

**b. Tài nguyên du lịch nhân văn**

- Các di tích văn hoá – lịch sử là loại tài nguyên du lịch nhân văn có giá trị hàng đầu.

- Trên phạm vi toàn quốc, hiện có 4 vạn di tích các loại, trong đó có hơn 2600 di tích đã được Nhà nước xếp hạng.

- Tiêu biểu nhất là 3 di sản văn hóa vật thể (Cố đô Huế, Phố cổ Hội An, Di tích Mỹ Sơn), 2 di sản phi vật thể của thế giới là Nhã nhạc cung đình Huế và Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên.

- Các lễ hội diễn ra hầu như trên khắp đất nước và luôn gắn liền với các di tích văn hoá – lịch sử.

- Nước ta còn có tiềm năng về văn hoá dân tộc như văn nghệ dân gian, làng nghề truyền thống, ẩm thực…

**2. Tình hình phát triển du lịch và các trung tâm du lịch chủ yếu**

- Ngành du lịch nước ta phát triển từ những năm 1960. Nhưng thật sự phát triển nhanh từ đầu thập kỉ 90 đến nay.

- Khách nội địa tăng.

- Khách quốc tế tăng.

- Doanh thu từ du lịch tăng.

- Có 3 vùng du lịch : Bắc Bộ, Bắc Trung bộ, Nam Trung bộ và Nam bộ.

- Các trung tâm du lịch lớn nhất nước ta là Hà Nội, tp Hồ Chí Minh, Huế - Đà Nẵng. Ngoài ra còn có nhiều trung tâm khác như Hạ Long, Hải Phòng, Nha Trang, Đà Lạt, Vũng Tàu, Cần Thơ...

---Hết---